

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15, quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15, quy định:

“Điều 16. Trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.”

- Tại khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 quy định:

“Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên là 21.576,53 km², quy mô dân số là 3.583.693 người.”

- Tại Khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, quy định:

“Điều 54. Quy định chuyển tiếp

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước:

“Điều 11. Rà soát, xử lý văn bản

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) đã ban hành các quy định cụ thể như sau:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp): Chưa ban hành.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quyết định việc áp dụng và bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, tiếp tục áp dụng trong phạm vi tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đối với Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024.

+ Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp): kế thừa quy định tại Nghị quyết 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp), đồng thời cập nhật các quy định mới (nội dung chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các quy định mới được thuyết minh cụ thể tại Bản so sánh, thuyết minh kèm theo Tờ trình).

Từ những cơ sở chính trị pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đảm bảo thống nhất và kịp thời; UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai để trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định là cần thiết, có cơ sở pháp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15, quy định:

“Điều 16. Trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.”

Căn cứ quy định nêu trên, UBND tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm quy định chi tiết nội dung giao tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15, nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền được phân công, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; kế thừa các nội dung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định và cập nhật các quy định mới; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và đảm bảo không gián đoạn, không tạo khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-TTHĐND ngày 30/10/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết điều khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 5599/SNNMT-QLĐĐ ngày 26/11/2025, gửi các sở, ban ngành cử thành viên tham gia Tổ soạn thảo và đã ban hành Quyết định số 1448/QĐ-SNNMT ngày 07/12/2025 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Quy định Chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Quy định hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ngày 05/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên để tổng hợp, hoàn thiện.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu nội dung góp ý, tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết nêu trên gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5063/SNNMT-QLĐĐ ngày 15/5/2026.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định và đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15 được xây dựng cụ thể như sau:

Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Chia thành 07 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Điều 4. Chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 7. Điều khoản thi hành

(Cụ thể nội dung các điều theo dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình)

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 422/BC-STP ngày 15/5/2026 và đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn tài chính: việc tổ chức thi hành Nghị quyết nêu trên được thực hiện theo quy định, nội dung này đã được Sở Tài chính góp ý tại Văn bản số 4543/STC-QLGCS ngày 14/5/2026.

2. Nguồn nhân lực: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính, UBND các xã, phường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thi hành, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quyết định. Nội dung này đã được Sở Nội vụ góp ý tại Văn bản số 3170/SNV-CQTN&VTTLT ngày 15/5/2026.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Sở Khoa học và Công nghệ góp ý thống nhất tại Văn bản số 1641/SKH-CN-VP ngày 08/5/2026.

4. Dự kiến thời gian trình: tháng 5/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh thuyết minh dự thảo Nghị quyết, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNMT; DT&TG;
Tư pháp, KH&CN, TC;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N₄, C_{4,5}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
(sau thẩm tra)

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số /BC... ngày tháng năm 2026 của Ban... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tài chính, công tác dân tộc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách đất đai.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có, không còn hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp.

3. Cộng đồng dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình bình xét đối tượng và triển khai các nội dung hỗ trợ.

2. Hỗ trợ một lần, trực tiếp đối với đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này được thực hiện quyền sử dụng đất có điều kiện quy định tại Điều 48 Luật số 31/2024/QH15.

Điều 4. Chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

1. Bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích từ 200 m² trở lên và diện tích khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) từ 500 m² trở lên phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng

khu vực; phù hợp với quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh

a) Đất ở: Trường hợp cá nhân không có, không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được giao đất ở theo hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác (trừ đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng) đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.

b) Đất nông nghiệp

- Trường hợp không có, không còn hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất;

- Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất nông nghiệp do địa phương quản lý, đất có nguồn gốc từ lâm trường, các công ty lâm nghiệp.

c) Đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh (đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)

Trường hợp không có, không còn hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất nông nghiệp, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.

3. Đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật số 31/2024/QH15.

4. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách theo quy định hiện hành và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các trường hợp đang được cơ quan, người có thẩm quyền xử lý hồ sơ chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên cổng báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /SNNMT-QLĐĐ

V/v hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại Báo cáo số 20/BC-BDT ngày 22/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết nêu trên.

(Có Dự thảo Nghị quyết đính kèm).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLĐĐ(H).

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Thương

Số: /BC-BDT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đất đai
đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Tờ trình số 671/TTr-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh)

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, để chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XIII, ngày 20/5/2026, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã tổ chức cuộc họp thẩm tra đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 671/TTr-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh). Tham dự cuộc họp có 07/09 thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh; đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trên cơ sở xem xét nội dung tờ trình, dự thảo nghị quyết và các quy định của pháp luật có liên quan; qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp và giải trình của các cơ quan chuyên môn, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Về sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

1.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhận thấy, toàn tỉnh có 3.551.923 người¹, trong đó, có 831.497 người là đồng bào dân tộc thiểu số², chiếm tỷ lệ 23,4% dân số toàn tỉnh, sinh sống tập trung tại nhiều thôn, làng và phân bố rải rác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, vùng biên giới, điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế. Thực tế hiện nay, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn còn thiếu đất ở, đất sản xuất, đời sống và sinh kế chưa ổn định, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thời gian qua, HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định, đã góp phần hỗ trợ người dân ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Vì vậy, để tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đất đai và yêu cầu thực tiễn sau sắp xếp đơn vị hành chính, góp phần tạo điều kiện để đồng bào ổn định nơi ở, có đất sản xuất, cải thiện sinh kế, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các khu vực khác trên địa bàn tỉnh; việc ban hành nghị quyết quy định

¹ Theo số liệu dân số toàn tỉnh tính đến ngày 31/8/2025 do Công an tỉnh cung cấp tại Công văn số 3604/CAT-PA06 ngày 28/10/2025

² Theo số liệu tại Báo cáo số 164/BC-SDTTG ngày 13/11/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về tình hình thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện năm 2026

chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ khoản 8 Điều 15³ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, điểm a⁴ khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15), Khoản 6 Điều 16⁵ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Điều 8⁶ Nghị định 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, điểm d Khoản 2 Điều 14⁷ Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết “*Quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” là đúng thẩm quyền.

- Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với chủ trương, đường lối của

³ Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

8. Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc...

⁴ 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

⁵ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.

⁶ Điều 8. Hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số

1. Việc hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở;

b) Đối với trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp của địa phương thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số

a) Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát và lập danh sách các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 10 hằng năm;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đo đạc, xác định diện tích và thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai, gồm các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai mà không còn nhu cầu sử dụng đất;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số trên cơ sở quỹ đất quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai. Nội dung phương án phải nêu rõ các trường hợp được hỗ trợ, diện tích hỗ trợ, hình thức hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Luật Đất đai.

3. Kinh phí quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

⁷ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về các nội dung quy định tại các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai như sau:

... d) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

2. Về hồ sơ

Qua xem xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 671/TTr-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhận thấy hồ sơ đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nội dung tài liệu đảm bảo theo mẫu được quy định tại Phụ lục III, IV của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ⁸ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Dân tộc HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

3.1. Đối với khoản 2 Điều 2: đề nghị bỏ các cụm từ “đất ở, đất nông nghiệp” sau các cụm từ “không có”, “không còn”, viết lại thành “*Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có, không còn hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp*”.

3.2. Đối với khoản 2 Điều 3: đề nghị chỉnh sửa nội dung “đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có đất ở, đất nông nghiệp; không còn đất ở, đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp” thành “*đối với đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này*”, viết lại thành “*Hỗ trợ một lần, trực tiếp đối với đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này*”.

3.3. Đối với khoản 1 Điều 4: đề nghị chỉnh sửa nội dung “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích tối thiểu 300 m² và diện tích khu thể thao tối thiểu 1.500 m²” thành “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích từ 200 m² trở lên và diện tích khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) từ 500 m² trở lên”, bỏ nội dung “gồm đất phục vụ xây dựng các công trình như: nhà văn hóa, hội trường, trụ sở thôn, câu lạc bộ”, viết lại thành “*Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất*

⁸ (1) Tờ trình số 671/TTr-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (2) Dự thảo nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (3) Báo cáo số 293/BC-SNNMT ngày 16/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về tổng kết thi hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định; (4) Báo cáo số 422/BC-STP ngày 15/5/2026 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (5) Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (6) Báo cáo tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với Dự thảo nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích từ 200 m² trở lên và diện tích khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) từ 500 m² trở lên phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng khu vực; phù hợp với quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt” để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 05/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT- BVHTTDL và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL.

3.4. Đối với khoản 4 Điều 4: đề nghị bổ sung nội dung “*Trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định*”.

3.5. Đối với Điều 7: đề nghị bổ sung nội dung “*Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới*”.

4. Kết luận

Trên cơ sở thẩm quyền ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh và kết quả tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định ban hành chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh khẩn trương ban hành quyết định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số theo quy định.

Kính trình HĐND tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, BDT.

TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN

Đoàn Vũ Hùng

Số: /BC-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 4638/SNNMT-QLĐĐ ngày 05/5/2026 gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã có liên quan đề nghị báo cáo Tổng kết thi hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo việc thi hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc, chính sách đất đai nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Luật Đất đai năm 2024 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã bổ sung nhiều quy định mới liên quan đến quản lý, sử dụng đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời đặt ra yêu cầu rà soát, đánh giá tính phù hợp của các cơ chế, chính sách hiện hành tại địa phương.

Trên địa bàn tỉnh Bình Định, đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống tại các xã miền núi, vùng đặc biệt khó khăn sau sắp xếp đơn vị hành chính gồm các xã: Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Phú, Tây Sơn, Bình Hiệp, An Vinh, An Lão, An Hòa, An Toàn, Canh Liên, Vân Canh, Canh Vinh và Hội Sơn. Đời sống của một bộ phận người dân

còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; nhu cầu về đất ở, đất sản xuất và sinh kế bền vững vẫn còn lớn.

Việc ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ổn định đời sống, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững ổn định chính trị tại vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những thuận lợi, quá trình triển khai thực hiện chính sách còn chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, quỹ đất hạn chế tại một số địa phương, giá đất và chi phí đầu tư tăng cao, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả thực hiện chính sách.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Công tác tổng kết được thực hiện thông qua việc tổng hợp báo cáo của các địa phương; rà soát số liệu, đối tượng thụ hưởng; đánh giá kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng báo cáo tổng kết nhằm đánh giá toàn diện việc thi hành nghị quyết; làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung nghị quyết đến cán bộ, công chức và Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã miền núi và vùng đặc biệt khó khăn.

Các sở, ngành liên quan đã phối hợp hướng dẫn các địa phương trong việc rà soát nhu cầu hỗ trợ đất ở, đất sản xuất; xác định đối tượng thụ hưởng; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cùng các chương trình, chính sách liên quan để triển khai thực hiện.

UBND các xã thuộc phạm vi thực hiện chính sách đã chủ động rà soát các hộ thiếu đất ở, đất sản xuất; tổ chức họp dân, tuyên truyền chính sách và hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục theo quy định.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện nghị quyết được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện tương đối kịp thời; tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và góp phần nâng cao nhận thức về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Qua triển khai thực hiện, Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND cơ bản phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương; tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện ổn định nơi ở và phát triển sản xuất.

Việc thực hiện chính sách đã góp phần hỗ trợ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số từng bước tiếp cận đất ở, đất sản xuất; cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao hiệu quả sản xuất và ổn định đời sống. Một số địa phương đã chủ động bố trí quỹ đất, lồng ghép nguồn vốn để hỗ trợ người dân đạt kết quả tích cực.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương từng bước được tăng cường; việc rà soát đối tượng thụ hưởng được thực hiện tương đối chặt chẽ, đúng quy định.

3. Kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn các xã

Qua kết quả tổng hợp báo cáo của 09 xã/18 xã (có 09 xã không gửi báo cáo)¹, việc triển khai thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND đạt được một số kết quả như sau:

Về bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng, các địa phương cơ bản đã quan tâm bố trí quỹ đất phục vụ sinh hoạt cộng đồng, xây dựng nhà văn hóa, khu sinh hoạt thôn phù hợp với phong tục, tập quán và điều kiện thực tế của từng địa bàn. Tuy nhiên, một số xã miền núi như Xã An Vinh chưa bảo đảm diện tích khu thể thao theo quy định do quỹ đất hạn chế, địa hình dốc và thiếu kinh phí san ủi mặt bằng.

Về đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số địa phương đã thực hiện chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất cho các trường hợp cấp giấy chứng nhận lần đầu, góp phần giảm khó khăn cho người dân đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể, Xã Vĩnh Thịnh đã thực hiện miễn tiền sử dụng đất cho 15 trường hợp; Xã Vĩnh Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 15 trường hợp có nhu cầu cấp lần đầu. Tuy nhiên, việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị quyết còn gặp nhiều khó khăn do thiếu quỹ đất, thiếu kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Về đất sản xuất, một số địa phương đã tích cực triển khai giao đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo các quyết định của UBND tỉnh. Tại Xã An Vinh, địa phương đã lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 651 thửa đất với tổng diện tích khoảng 619 ha cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời tiếp tục triển khai giao đất theo các quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh trong thời gian tới. Tuy nhiên, do quỹ đất hạn hẹp, nhiều địa phương chưa thể bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ thiếu đất theo nhu cầu thực tế.

Đối với các trường hợp thiếu đất sản xuất nhưng không thể bố trí quỹ đất, các địa phương chủ yếu thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo sinh kế và giao khoán quản lý bảo vệ rừng nhằm giúp người dân ổn định đời sống. Điển hình, Xã

¹ Các xã: Ân Tường, Vĩnh Thạnh, Bình Phú, Tây Sơn, Bình Hiệp, An Hòa, An Toàn, Vân Canh, Hội Sơn.

Vĩnh Thịnh đã hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 35 hộ gia đình và phối hợp giao khoán bảo vệ rừng cho 453 hộ dân trên địa bàn xã.

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND đã góp phần hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các chính sách về đất đai, sinh kế và bảo vệ rừng.

4. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, các địa phương gặp một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu như:

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính dẫn đến thay đổi về tổ chức bộ máy, địa giới hành chính, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện chính sách; đồng thời các địa phương phải rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch thực hiện để phù hợp với tình hình mới.

- Quỹ đất công ích, quỹ đất ở và đất sản xuất tại nhiều địa phương, nhất là các xã miền núi, còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu bố trí đất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện được hỗ trợ theo quy định. Một số diện tích đất công còn ít, vị trí không thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Công tác rà soát, xác minh hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu hỗ trợ còn gặp nhiều khó khăn do nhiều hộ dân sử dụng đất từ lâu nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thiếu hồ sơ pháp lý hoặc chưa có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất. Một số diện tích đất có tranh chấp, chồng lấn ranh giới hoặc chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên kéo dài thời gian giải quyết thủ tục.

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở một số địa phương còn chậm, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ cho người dân.

- Nguồn kinh phí và nguồn lực phục vụ triển khai thực hiện chính sách còn hạn chế; đội ngũ cán bộ địa chính ở cơ sở còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Một số địa phương chưa được bố trí đầy đủ nguồn lực để triển khai thực hiện toàn diện các nội dung của Nghị quyết.

- Điều kiện kinh tế - xã hội tại các xã miền núi còn nhiều khó khăn; địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn nên công tác tuyên truyền, kiểm tra, rà soát thực tế mất nhiều thời gian.

- Điều kiện kinh tế của một bộ phận hộ dân còn khó khăn, dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai.

- Một số diện tích đất đã được giao cho địa phương quản lý theo các quyết định của UBND tỉnh nhưng thực tế trước đây người dân đã lấn chiếm, sử dụng để trồng keo và canh tác lâu dài, đến nay chưa được xử lý dứt điểm nên gây khó khăn trong việc thu hồi, bố trí giao đất theo chính sách.

Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế nêu trên chủ yếu do quỹ đất tại địa phương hạn chế; nguồn lực đầu tư còn khó khăn; hệ thống văn bản hướng dẫn

thực hiện Luật Đất đai năm 2024 đang tiếp tục hoàn thiện nên một số nội dung cần được hướng dẫn cụ thể hơn.

5. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua thực tiễn triển khai thực hiện nghị quyết cho thấy phát sinh một số vấn đề cần quan tâm như:

- Nhu cầu hỗ trợ đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao, đặc biệt đối với các hộ mới tách hộ và hộ trẻ;
- Nhu cầu hỗ trợ sinh kế gắn với hỗ trợ đất đai ngày càng lớn nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng đất sau hỗ trợ;
- Một số địa phương gặp khó khăn trong việc tạo quỹ đất sạch để bố trí cho người dân;
- Việc quản lý, sử dụng đất sau hỗ trợ cần được theo dõi chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chuyển nhượng trái quy định hoặc sử dụng không hiệu quả;
- Yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng thụ hưởng và quản lý đất đai ngày càng cần thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước.

6. Những nội dung khác

Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, các địa phương đã chủ động lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất để nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho người dân.

Công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành pháp luật về đất đai được tăng cường; vai trò của già làng, người có uy tín trong cộng đồng được phát huy trong việc vận động Nhân dân thực hiện chính sách.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo, các địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp một số đề xuất, kiến nghị như sau:

- Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực, kinh phí để triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời xem xét bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho các hộ thiếu đất sản xuất.
- Đề nghị quan tâm hỗ trợ kinh phí cho công tác đo đạc, lập và chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhất là đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Đề nghị tiếp tục duy trì chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giảm bớt khó khăn cho người dân.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Lưu: VT, QLĐĐ.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Thương

Gia Lai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý

Đối với Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Văn bản số 4612/SNNMT-QLĐĐ ngày 08/5/2026.

1. Tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương đã gửi lấy ý kiến góp ý: 161 đơn vị cụ thể như sau:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh: 14 đơn vị (gồm: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Sở Ngoại vụ; Thanh tra tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế).
- Các đơn vị khác: 03 đơn vị (gồm: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai; Công an tỉnh Gia Lai; Thuế tỉnh Gia Lai).
- Các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: 08 đơn vị (bao gồm: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm và thủy sản; Chi cục Thủy lợi; Chi cục Bảo vệ môi trường).
- Văn phòng Đăng ký đất đai.
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai: 135 đơn vị.

2. Kết quả cụ thể như sau:

Có 49/161 đơn vị, địa phương gửi văn bản góp ý dự thảo gồm: 07 đơn vị có ý kiến tham gia góp ý, 42 đơn vị thống nhất với hồ sơ dự thảo Nghị quyết; còn lại không có văn bản tham gia ý kiến, cụ thể như sau:

TT	CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý		NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tên cơ quan, đơn vị	Văn bản góp ý		
1.	Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	Văn bản số 1222/STP-NV1 - 13/04/2026	1. Tại phần căn cứ ban hành a) Đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i>” thành “<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i>” b) Đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</i>” thành “<i>Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất</i>”. c) Đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</i>” thành “<i>Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</i>”	Tiếp thu, chỉnh sửa
				2. Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bố cục, trình bày dự thảo văn bản theo 5 điều như sau: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Chính sách đất đai đối với đồng bào dân	Tiếp thu, chỉnh sửa

			tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điều 4. Tổ chức thực hiện Điều 5. Điều khoản thi hành	
			3. Tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc chỉnh sửa, sử dụng từ ngữ đảm bảo thống nhất, ngắn gọn, cụ thể: “<u>hiên không có đất ở, đất nông nghiệp; không còn đất ở, đất nông nghiệp</u>”; “<u>không có đất ở, đất nông nghiệp; không còn đất ở, đất nông nghiệp</u>”.	Tiếp thu, chỉnh sửa thành
			4. Tại điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc xác định nội dung liên quan đến đối tượng đảm bảo thống nhất, cụ thể: “<i>Cộng đồng dân cư, thôn, làng, khu phố, tổ dân phố</i>”, “<i>cộng đồng dân cư</i>”, “<i>thôn, làng, khu phố, tổ dân phố</i>”.	Tiếp thu, chỉnh sửa thành: 2. Cộng đồng dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.
			5. Tại khoản 5 Điều 1 a) Dự thảo văn bản quy định về nội dung “<u>Hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh</u>”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đất đai, đất phi nông nghiệp không phải đất ở bao gồm: “<i>b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan;</i> <i>c) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là đất quốc phòng, an ninh);</i> <i>d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp, gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác;</i>	Tiếp thu, chỉnh sửa: c) Đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh (đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)

			đ) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng; g) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo (sau đây gọi là đất tôn giáo); đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng (sau đây gọi là đất tín ngưỡng); h) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt; i) Đất có mặt nước chuyên dùng; k) Đất phi nông nghiệp khác.” Căn cứ quy định trên, nhằm đảm bảo tính rõ ràng của văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc xác định cụ thể loại đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ là những loại đất nào?	
			b) Tại điểm a, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa nội dung “và được miễn tiền sử dụng đất đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định	Tiếp thu, chỉnh sửa

			số 291/2025/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP); giảm 50% tiền sử dụng đất tại các địa bàn còn lại trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;” thành “và được miễn tiền sử dụng đất đối với người nghèo, hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo hoặc giảm 50% tiền sử dụng đất đối với người nghèo, hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống tại các địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.”	
			6. Khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định: “1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau: a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung. Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi,	Đã thực hiện rà soát và chỉnh sửa

				<i>bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản;</i> <i>b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.</i> <i>Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.</i> Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung liên quan khi viện dẫn văn bản.	
2.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản số 01641/SKHCN-VP - 08/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
3.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	Văn bản số 4543/STC-QLGCS ngày 14/5/2026	Sở Tài chính nhận được Công văn số 4612/SNNMT-QLĐĐ ngày 05/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường V/v góp ý và đăng tải dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính có ý kiến như sau:	Tiếp thu, chỉnh sửa

			- Tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: “<i>Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15</i>”, đề nghị điều chỉnh thành: “<i>Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này <u>được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách theo quy định hiện hành và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật</u></i>”. - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết bổ sung “quy định chuyển tiếp” vì Nghị quyết này khi được HĐND tỉnh thông qua thì Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành. Do đó, cần quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang phát sinh đối với Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND. - Các nội dung còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Tài chính thống nhất theo dự thảo.	
--	--	--	--	--

4.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Văn bản số 3170/SNV-CQTN&VTLT ngày 15/5/2026	1. Về Điều 1 - Khoản 3: Đề nghị bổ sung cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý khi xác định sai đối tượng; đồng thời làm rõ việc “hỗ trợ một lần” trong các trường hợp đặc biệt (di dời, thiên tai). - Mục a, Khoản 5: Đất ở cho cá nhân Hiện nay, các quy định về hạn mức giao đất ở của tỉnh Bình Định (cũ) và tỉnh Gia Lai (cũ) trước khi sáp nhập thành tỉnh Gia Lai đều được xây dựng theo mô hình đơn vị hành chính có cấp huyện. Tuy nhiên, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình tổ chức chính quyền địa phương đã thay đổi, không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, do đó việc tiếp tục áp dụng nguyên trạng các quy định cũ có thể phát sinh vướng mắc trong việc xác định địa bàn và hạn mức áp dụng. Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng: trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành quy định mới về hạn mức giao đất ở sau sắp xếp đơn vị hành chính thì tiếp tục áp dụng quy định của tỉnh Bình Định (cũ) và tỉnh Gia Lai (cũ) trước khi sáp nhập tương ứng với địa bàn cũ cho đến khi có văn bản thay thế. Đồng thời, đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh sớm ban hành quy định thống nhất về hạn mức giao đất ở theo mô hình đơn vị hành chính hiện hành, phù hợp với điều kiện từng khu vực, địa bàn cấp xã trên toàn tỉnh để bảo đảm đồng bộ, thống nhất và thuận lợi trong quá trình áp dụng pháp luật	1. Nội dung góp ý bổ sung cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý khi xác định sai đối tượng; đồng thời làm rõ việc “hỗ trợ một lần” trong các trường hợp đặc biệt (di dời, thiên tai) không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. 2. Đối với nội dung đề nghị tại gạch đầu dòng thứ 2 (Mục a, Khoản 5: Đất ở cho cá nhân), tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp) đã ban hành Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 về việc áp dụng và bãi bỏ các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, theo đó tại Điều 1. Tiếp tục áp dụng các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trong phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai sau sắp xếp cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này (trong đó tiếp tục áp dụng Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Bình Định quy định hạn mức về đất ở
----	--------------------------	------------------------	--	--	--

				2. Về Khoản 4 Điều 1 Quy định diện tích tối thiểu 300 m² đất sinh hoạt cộng đồng và 1.500 m² đất thể thao cho mỗi thôn, làng là chưa phù hợp với điều kiện thực tế, đặc biệt tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có địa hình phức tạp, quỹ đất hạn chế và quy mô dân số không đồng đều. Việc áp dụng mức cứng cho tất cả các địa bàn trên toàn tỉnh có thể dẫn đến khó khăn trong bố trí quỹ đất, làm giảm tính khả thi của chính sách. Đề nghị điều chỉnh theo hướng linh hoạt, gắn với thực tiễn của địa phương.	trên địa bàn tỉnh Bình Định trong phạm vi địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) và Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định hạn mức công nhận đất ở, giao đất ở cho cá nhân, giao đất chưa sử dụng cho cá nhân, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai) cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dự thảo Quyết định quy định hạn mức giao đất ở, công nhận đất ở trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thay thế các quyết định: Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định hạn mức về đất ở trên địa bàn tỉnh Bình Định) và đang tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị để hoàn thiện dự thảo. 3. Đối với nội dung góp ý (Về Khoản 4 Điều 1): Trước đây, Nghị quyết số 25 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) căn cứ vào quy
--	--	--	--	---	---

					định diện tích đất quy hoạch Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2026 đề quy định: “<i>quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích tối thiểu 300 m² và diện tích khu thể thao tối thiểu 1.500 m²”.</i> Tại dự thảo Nghị quyết giữ quan điểm kế thừa quy định diện tích theo Nghị quyết số 25 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). (Nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lấy ý kiến góp ý riêng và đã được Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch thống nhất tại Văn bản số 1816/SVHTTDL-VP ngày 07/05/2026, Sở Xây dựng thống nhất tại Văn bản số 3757/SXD-QHKT ngày 14/5/2026).
5.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Nội vụ	Văn bản số 3170/SNV-CQTN&VTLT ngày 15/5/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
6.	Hồ sơ dự thảo Nghị	Sở Công thương	Văn bản số 2126/SCT-VP -	Thống nhất nội dung dự thảo	

	quyết		07/05/2026]		
7.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Ngoại vụ	Văn bản số 1244/SNgV-VP - 06/05/2026]	Thống nhất nội dung dự thảo	
8.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Văn hoá thể thao và du lịch	Văn bản số 1816/SVHTTDL-VP - 07/05/2026]	Thống nhất nội dung dự thảo	
9.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Xây dựng	Văn bản số 3757/SXD-QHKT ngày 14/5/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
10.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Văn bản số 446/TTBVTV-TT - 08/05/2026- 13/04/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
11.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Phát triển nông thôn	Văn bản số 308/CCPTNT-BTDC - 07/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
12.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Thủy sản	Văn bản số 373/TS-NTTS - 07/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
13.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Văn bản số [610/QLCL-HCTH - 06/05/2026]	Thống nhất nội dung dự thảo	
14.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Văn bản số 562/CNTY-CN - 12/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	

15.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Chi cục Thủy lợi	Văn bản số 444/CCTL-HCTH - 13/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
16.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Ia Pnôn	Văn bản số 373/UBND-KT - 11/05/2026	Qua nghiên cứu dự thảo, Ủy ban nhân dân xã Ia Pnôn cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên xem xét bổ sung quy định về ghi chú hạn chế quyền trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm bắt buộc cơ quan đăng ký đất đai khi cấp Giấy chứng nhận cho đối tượng hỗ trợ phải ghi rõ tại trang bổ sung nội dung thực hiện quyền sử dụng đất có điều kiện quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Mục đích hạn chế chuyển quyền sử dụng đất, sang nhượng viết tay đối với đối tượng được hưởng chính sách đất đai. Lý do trong nhiều năm qua tỉnh hỗ trợ nhiều chính sách hỗ trợ đất đai nhưng do không có ghi chú này trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nhiều thửa đất sau khi thực hiện chính sách giao đất ở, đất sản xuất cho người dân tộc thiểu số thì lại chuyển nhượng cho người khác, dẫn đến mất tư liệu sản xuất và nơi ở, không thoát được hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.	Nội dung đề nghị bổ sung của xã đã được quy định tại Điều 40 Thông tư 0/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): “Điều 40. Thể hiện nội dung tại mục Ghi chú trên Giấy chứng nhận 1. Thông tin về miễn, giảm nghĩa vụ tài chính, ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ được thể hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 7 Điều 8 của Thông tư này. 2. <u>Thông tin về hạn chế quyền sử dụng đất của cá nhân là người dân tộc thiểu số thì thể hiện như sau: “Không được chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, trừ thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng chính sách và để thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.</u>
17.	Hồ sơ dự thảo Nghị	UBND phường Diên	Văn bản số 1253/UBND-	1. Đề nghị làm rõ cơ chế xác định trường hợp “không còn đất ở, đất nông nghiệp” và “thiếu đất ở,	Đối với nội dung góp ý 1:

	quyết	Hồng	KTHTDT - 12/05/2026	đất nông nghiệp” tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Dự thảo quy định đối tượng được hỗ trợ gồm trường hợp “không có đất ở, đất nông nghiệp; không còn đất ở, đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp”. Đồng thời, tại điểm b khoản 3 Điều 1 quy định nguyên tắc “hỗ trợ một lần”. Tuy nhiên, hiện dự thảo chưa quy định cụ thể căn cứ, tiêu chí và cơ chế rà soát đối với trường hợp “không còn đất ở, đất nông nghiệp” để làm cơ sở xác định đối tượng được hỗ trợ. Thực tế có thể phát sinh trường hợp cá nhân người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trước đây đã được Nhà nước giao đất, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nhưng sau đó đã chuyển nhượng, tặng cho hoặc không còn sử dụng đất tại thời điểm rà soát, xét duyệt hồ sơ. Do đó, nếu không có cơ chế xác định và rà soát cụ thể có thể phát sinh cách hiểu, áp dụng chưa thống nhất giữa các địa phương; đồng thời gây khó khăn trong việc bảo đảm nguyên tắc hỗ trợ một lần theo quy định của dự thảo Nghị quyết. Đề nghị nghiên cứu bổ sung nguyên tắc xác định đối tượng trên cơ sở hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, hiện trạng sử dụng đất thực tế và kết quả rà soát của địa phương; đồng thời xem xét quy định hoặc giao UBND tỉnh hướng dẫn cụ thể tiêu chí, trình tự rà soát đối với trường hợp “không còn đất”, “thiếu đất” để bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. 2. Đề nghị nghiên cứu tính khả thi đối với quy định diện tích đất sinh hoạt cộng đồng và khu thể thao tại	- Tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, quy định: 7. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về các trường hợp không còn, thiếu hoặc không có đất để giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không còn nhu cầu sử dụng đất mà phải thu hồi đất để tiếp tục thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số quy định tại Điều này. - Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP) đã quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc rà soát và lập danh sách, lập phương án. Từ những căn cứ trên, đề nghị UBND xã rà soát, nghiên cứu thực hiện - Đối với nội dung góp ý 2 Trước đây, Nghị quyết số 25 của
--	-------	------	------------------------	--	---

				khoản 4 Điều 1: Dự thảo quy định UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng tối thiểu 300 m² và diện tích khu thể thao tối thiểu 1.500 m² cho mỗi thôn, làng, khu phố, tổ dân phố. Tuy nhiên, thực tế tại một số khu vực dân cư hiện hữu, khu vực đô thị hoặc địa bàn có quỹ đất hạn chế, việc bảo đảm đầy đủ diện tích tối thiểu theo quy định có thể gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung thực hiện phù hợp với điều kiện quỹ đất, quy hoạch và tình hình thực tế của từng địa phương nhằm bảo đảm tính khả thi khi triển khai thực hiện. 3. Đề nghị xem xét nội dung sự phù hợp quy hoạch đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất tại điểm a khoản 5 Điều 1: Để bảo đảm thống nhất với quy định pháp luật đất đai (cụ thể Điều 116 Luật Đất đai) và thuận lợi trong quá trình thực hiện, đề nghị quy định rõ đối với nội dung việc chuyển mục đích sử dụng đất tại quy định này có phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không.	Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) căn cứ vào quy định diện tích đất quy hoạch Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2026 đã quy định: “<i>quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích tối thiểu 300 m² và diện tích khu thể thao tối thiểu 1.500 m²</i>”. Tại dự thảo Nghị quyết giữ quan điểm kế thừa quy định diện tích theo Nghị quyết số 25 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp). (Nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lấy ý kiến góp ý riêng và đã được Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch thống nhất tại Văn bản số 1816/SVHTTDL-VP ngày 07/05/2026, Sở Xây dựng thống nhất tại Văn bản số 3757/SXD-QHKT ngày 14/5/2026). - Nội dung góp ý 3: Tại dự thảo đã nêu theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể: “a) ... đang sử dụng hợp pháp
--	--	--	--	---	---

					sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai ...;
18.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Hra	Văn bản số 589/UBND-KT - 07/05/2026	2. Góp ý cụ thể đối với dự thảo Nghị quyết a) Về đối tượng áp dụng (khoản 2 Điều 1): Đề nghị bổ sung, làm rõ tiêu chí xác định “thiếu đất ở, đất nông nghiệp”, đặc biệt đối với các hộ có đất nhưng diện tích nhỏ, manh mún, không đủ điều kiện sản xuất ổn định; đồng thời xem xét mở rộng đối tượng đối với một số hộ mới thoát nghèo nhưng còn khó khăn thực tế. b) Về nguyên tắc thực hiện (khoản 3 Điều 1): Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể quy trình bình xét tại cơ sở (thôn, làng) để đảm bảo công khai, minh bạch, tránh phát sinh khiếu nại. c) Về bố trí đất sinh hoạt cộng đồng (khoản 4 Điều 1): Quy định diện tích tối thiểu 300 m² đất sinh hoạt cộng đồng và 1.500 m² khu thể thao là phù hợp; tuy nhiên, đề nghị cho phép linh hoạt điều chỉnh theo điều kiện quỹ đất thực tế tại từng thôn, làng, nhất là tại các khu vực dân cư hiện hữu, quỹ đất hạn chế d) Về hỗ trợ đất ở (điểm a khoản 5 Điều 1): Đề nghị: - Xem xét nâng mức hỗ trợ hoặc mở rộng chính sách miễn tiền sử dụng đất cho nhiều khu vực khó khăn, vì thực tế thu nhập của đồng bào còn thấp. - Có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để người dân dễ tiếp cận và	1. Nội dung góp ý a, b, d: - Tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, quy định: 7. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về các trường hợp không còn, thiếu hoặc không có đất để giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không còn nhu cầu sử dụng đất mà phải thu hồi đất để tiếp tục thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số quy định tại Điều này. - Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP) đã quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc rà soát và lập danh sách, lập phương án. Từ những căn cứ trên, đề nghị

				thực hiện. đ) Về hỗ trợ đất nông nghiệp (điểm b khoản 5 Điều 1): Thực tế tại xã Hra, quỹ đất nông nghiệp còn hạn chế, đề nghị: Bổ sung cơ chế hỗ trợ chuyển đổi sinh kế (đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất phi nông nghiệp) trong trường hợp không còn quỹ đất để giao. e) Về đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (điểm c khoản 5 Điều 1): Đề nghị có chính sách hỗ trợ cụ thể hơn (ngoài miễn, giảm tiền thuê đất) như hỗ trợ tiếp cận vốn, đào tạo kỹ năng sản xuất, kinh doanh. f) Về kinh phí thực hiện (khoản 7 Điều 1): Đề nghị làm rõ nguồn kinh phí hỗ trợ cho cấp xã trong việc tổ chức thực hiện (rà soát, đo đạc, lập hồ sơ...), tránh tình trạng khó khăn trong triển khai thực tế.	UBND xã rà soát, nghiên cứu thực hiện 2. Nội dung góp ý c: giải trình tương tự như nội dung Sở Dân tộc và Tôn giáo góp ý. 3. Nội dung góp ý đ, e: không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. 4. Nội dung góp ý f: Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 7 của dự thảo Nghị quyết được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách theo quy định hiện hành và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật
19.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND phường An Nhơn Đông	Văn bản số 573/UBND - 06/05/2026	Về nội dung dự thảo Nghị quyết UBND phường cơ bản thống nhất với các nội dung của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, để thuận lợi trong tổ chức thực hiện, đề nghị: - Bổ sung quy định hoặc hướng dẫn đối với các địa phương không có đối tượng thụ hưởng, theo hướng: - Không bắt buộc bố trí quỹ đất riêng để thực hiện chính sách; - Chỉ thực hiện khi phát sinh đối tượng đủ điều kiện theo quy định.	Dự thảo Nghị quyết đã quy định phạm vi, đối tượng áp dụng do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu, thực hiện
20.	Hồ sơ dự	UBND Xã	Văn bản số	Đề nghị quan tâm bổ sung, làm rõ chính sách đối	

	thảo Nghị quyết	Kon Chiêng	598/UBND-PKT - 13/05/2026	với địa bàn có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, đời sống còn khó khăn Xã Kon Chiêng hiện có gần 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn; nhu cầu về đất ở, đất sản xuất ngày càng tăng, nhất là do tình trạng tách hộ, tăng dân số tự nhiên, trong khi quỹ đất ở và đất sản xuất tại địa phương còn hạn chế. Từ thực tế nêu trên, UBND xã Kon Chiêng đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung hoặc nhấn mạnh trong dự thảo Nghị quyết một số nội dung sau: a) Ưu tiên bố trí quỹ đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số phát sinh nhu cầu do tách hộ Đề nghị bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp hộ đồng bào dân tộc thiểu số sau khi tách hộ nhưng chưa có đất ở, thiếu đất ở hoặc đang ở chung nhiều thế hệ trong cùng một thửa đất, không bảo đảm điều kiện sinh hoạt tối thiểu. Đối với các địa bàn có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, đời sống còn khó khăn như xã Kon Chiêng, đề nghị ưu tiên bố trí quỹ đất ở, xem xét giao đất ở hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức theo quy định, đồng thời áp dụng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với đối tượng đủ điều kiện. b) Ưu tiên hỗ trợ đất sản xuất cho hộ thiếu đất, không có đất sản xuất Đề nghị dự thảo Nghị quyết quan tâm hơn đến nhóm hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất do tách hộ, do đất sản xuất manh mún, diện	- Tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, quy định: 7. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về các trường hợp không còn, thiếu hoặc không có đất để giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không còn nhu cầu sử dụng đất mà phải thu hồi đất để tiếp tục thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số quy định tại Điều này. - Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP) đã quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc rà soát và lập danh sách, lập phương án. Từ những căn cứ trên, đề nghị UBND xã rà soát, nghiên cứu thực hiện - Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 7 của dự thảo Nghị quyết được bố trí từ ngân
--	-----------------	------------	---------------------------	--	---

			tích nhỏ, không bảo đảm sinh kế lâu dài. Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để giao, đề nghị tỉnh có cơ chế chỉ đạo rà soát, thu hồi, tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất do các tổ chức, nông trường, lâm trường, công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương; quỹ đất công ích, đất chưa giao, chưa cho thuê, đất sử dụng kém hiệu quả để ưu tiên bố trí cho đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất theo đúng quy định pháp luật. c) Bổ sung cơ chế hỗ trợ kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn, việc thực hiện các thủ tục đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gặp nhiều trở ngại. Đề nghị dự thảo Nghị quyết quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện hoặc có cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đo đạc, lập hồ sơ địa chính, chỉnh lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số. d) Đề nghị có cơ chế phân bổ nguồn lực phù hợp với mức độ khó khăn của từng địa phương Đề nghị khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, tỉnh quan tâm ưu tiên nguồn lực cho các xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lớn, nhu cầu thiếu đất ở, đất sản xuất nhiều, trong đó có xã Kon Chiêng.	sách nhà nước theo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách theo quy định hiện hành và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật
--	--	--	--	---

				Việc phân bổ nguồn lực căn cứ vào kết quả rà soát thực tế tại cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, có sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. đ) Đề nghị hướng dẫn cụ thể trách nhiệm rà soát, tổng hợp nhu cầu hằng năm của cấp xã Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn cụ thể biểu mẫu, quy trình rà soát, tiêu chí xác định hộ không có đất ở, thiếu đất ở, không có đất sản xuất, thiếu đất sản xuất; đồng thời quy định rõ thời gian tổng hợp, báo cáo hằng năm để cấp xã chủ động triển khai thực hiện. Việc có hướng dẫn thống nhất sẽ giúp UBND cấp xã thực hiện thuận lợi, tránh lúng túng trong quá trình xác định đối tượng, bình xét, công khai danh sách và lập phương án hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số.	
21.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Xuân An	Văn bản số 1051/UBND-KT - 06/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
22.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Vĩnh Quang	Văn bản số 585/UBND-KT - 08/05/2026]	Thống nhất nội dung dự thảo	
23.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Vân Canh	Văn bản số 824/CV-UBND - 11/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	
24.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Chư Păh	Văn bản số 1034/UBND-PKT - 11/05/2026	Thống nhất nội dung dự thảo	

25.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Phường Ayun Pa	Văn bản số 1481/UBND-TH - 12/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
26.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Ia Rbol	Văn bản số 2197/UBND-KT - 08/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
27.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Ia Hiao	Văn bản số 989/UBND-TH - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
28.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Ia Dok	Văn bản số 495/UBND-KT - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
29.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã An Nhơn Tây	Văn bản số 609/UBND-KT - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
30.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã An Lão	Văn bản số 1180/UBND - 06/05/2026]	Thông nhất nội dung dự thảo	
31.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Vĩnh Thịnh	Văn bản số 776/UBND-KT - 13/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
32.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND phường Hoài Nhơn Đông	Văn bản số 664/UBND-KTHT&ĐT - 12/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
33.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Xã Ia Hnú	Văn bản số 746/UBND-KT - 28/04/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	

34.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Phường Thống Nhất	Văn bản số 1148/UBND-PKTH TDT - 13/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
35.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Ngô Mỹ	Văn bản số 742/UBND-KT - 06/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
36.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Phường An Phú	Văn bản số 760/UBND-PKTH TDT - 13/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
37.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND Phường Pleiku	Văn bản số 1427/UBND-PKTH TDT - 13/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
38.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Chư Krey	Văn bản số 307/UBND-PKT - 12/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
39.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND phường Thống Nhất	Văn bản số 1106/UBND-KTH TDT - 08/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
40.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Tây Sơn	Văn bản số 505/UBND-KT - 08/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
41.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã An Hòa	Văn bản số 842/UBND - 12/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	

42.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Bờ Ngoong	Văn bản số 760/UBND-QLĐĐ - 11/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
43.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Ia Krái	Văn bản số 674/UBND-PKT - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
44.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Chợ Long	Văn bản số 857/UBND-KT - 08/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
45.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Ia Ko	Văn bản số 754/UBND-KT - 08/05/2026]	Thông nhất nội dung dự thảo	
46.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã An Vinh	Văn bản số 611/UBND - 12/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
47.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND phường An Nhơn	Văn bản số 708/UBND - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
48.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND xã Vĩnh Thạnh	Văn bản số 641/UBND-KT - 07/05/2026	Thông nhất nội dung dự thảo	
49.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết	UBND phường An Bình	Văn bản số 628/UBND-PKTHDT - 08/05/2026]	Thông nhất nội dung dự thảo	

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 5063/SNNMT-QLĐĐ ngày 15/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo Nghị quyết và hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, trên cơ sở đối chiếu với các quy định có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Khoản 6 Điều 16 Luật đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.”.

Điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;”

Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các quy định nêu trên; trên cơ sở nội dung tại Mục I của dự thảo Tờ trình, Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính

sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND*) là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thống nhất với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh.

III. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

IV. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 4543/STC-QLGCS ngày 14/5/2026, ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1641/SKHCN-VP ngày 08/5/2026, ý kiến của Sở Nội vụ tại Văn bản số 3170/SNV-CQTN&VTLT ngày 15/5/2026 và Mục VI dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết đảm bảo nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để dự thảo văn bản hoàn thiện, thống nhất hơn, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa một số nội dung sau:

a) Tại phần căn cứ ban hành, ở dòng “*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15...*”, đề nghị sửa từ “*Quốc Hội*” thành “*Quốc hội*”.

b) Tại khoản 3 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 4

Tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định: “1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15” thành “Điều 48 Luật số 31/2024/QH15” tại khoản 3 Điều 3 và chỉnh sửa nội dung “Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.” tại điểm a khoản 2 Điều 4 thành “Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.”

c) Tại Điều 6, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa nội dung “Các trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền đang thực hiện chính sách về đất đai trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.”, nhằm đảm bảo rõ ràng hơn, có thể cân nhắc chỉnh sửa như sau: “Các trường hợp đang được cơ quan, người có thẩm quyền xử lý hồ sơ chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.”.

d) Tại phần nơi nhận

- Chính sửa nội dung “*Như Điều 4;*” thành “*Như Điều 5;*”.

- Bỏ nội dung “- *Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;*” và nội dung “- *Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;*”.

- Chính sửa nội dung “*Báo và phát thanh truyền hình Gia Lai*” thành “*Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai*”.

đ) Quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh là nội dung mang tính kỹ thuật, chuyên ngành, do đó Sở Tư pháp không tham gia ý kiến cụ thể đối với nội dung quy định mang tính kỹ thuật, chuyên ngành, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn thiện quy định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

Nghị quyết này thuộc danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết điều khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-TTHĐND ngày 30/10/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Gia Lai.

Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý việc tiếp thu ý kiến góp ý, giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đảm bảo đầy đủ, chính xác, chẳng hạn như: Đối với ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Văn bản số 4543/STC-QLGCS ngày 14/5/2026; ý kiến góp ý của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Văn bản số 914/SDTTG-DT ngày 14/5/2026;...

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện các nội dung nêu tại Mục VI Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai
so với Nghị quyết 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)

TT	Nghị quyết 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)	Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau sắp xếp)	Thuyết minh
	Điều 1. Ban hành chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau: 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. 2. Đối tượng áp dụng a) Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tài chính, công tác dân tộc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách đất đai; b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất sinh sống tại các địa bàn theo Phụ lục đính kèm; c) Cộng đồng dân cư, thôn, làng, khu phố có liên quan. 3. Nguyên tắc thực hiện a) Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình bình xét đối tượng và triển khai các nội dung hỗ trợ;	Chưa ban hành	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tài chính, công tác dân tộc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách đất đai. 2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có, không còn hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp. 3. Cộng đồng dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng. Điều 3. Nguyên tắc thực hiện 1. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người	Dự thảo Nghị quyết kế thừa quy định tại Nghị quyết 25/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp), đồng thời cập nhật các quy định mới. Trong đó: 1. Có chỉnh sửa bổ cục của dự thảo thành 07 Điều (Nghị quyết số 25 trước đó có 03 điều), cụ thể: Trước đây tại Điều 1 của Nghị quyết số 25 quy định về: Phạm vi áp dụng; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh; Điều 2 là trách nhiệm tổ chức thực hiện; Điều 3 là trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Nay, tiếp thu nội dung góp ý của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa thành 07 điều, cụ thể: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

b) Hỗ trợ một lần, trực tiếp đối với cộng đồng dân cư và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất; c) Cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này được thực hiện quyền sử dụng đất có điều kiện quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. 4. Bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng Ủy ban nhân dân các huyện Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát có trách nhiệm rà soát, xây dựng dự án bố trí đất ở, đất sản xuất để thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho mỗi thôn, làng, khu phố với diện tích tối thiểu 300 m² và diện tích khu thể thao tối thiểu 1.500 m² phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng khu vực, gồm đất phục vụ xây dựng các công trình như: nhà văn hóa, hội trường, trụ sở thôn, câu lạc bộ. 5. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh a) Đất ở cho cá nhân: Trường hợp cá nhân không có đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được giao đất ở theo hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác (trừ đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng) đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn tiền sử dụng đất đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; giảm 50% tiền sử dụng đất tại các địa bàn còn lại trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;	dân trong quá trình bình xét đối tượng và triển khai các nội dung hỗ trợ. 2. Hỗ trợ một lần, trực tiếp đối với đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này. 3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Nghị quyết này được thực hiện quyền sử dụng đất có điều kiện quy định tại Điều 48 Luật số 31/2024/QH15. Điều 4. Chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh 1. Bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích từ 200 m² trở lên và diện tích khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) từ 500 m² trở lên phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng khu vực; phù hợp với quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh a) Đất ở: Trường hợp cá nhân không có, không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì	Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Nguyên tắc thực hiện Điều 4. Chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điều 5. Tổ chức thực hiện Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp Điều 7. Điều khoản thi hành 2. Trước đây, Nghị quyết số 25 có quy định phạm vi áp dụng của Nghị quyết trên địa bàn một số xã, thị trấn thuộc các huyện: Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, An Lão, Vân Canh, Phù Cát (các đơn vị hành chính hiện nay là các xã Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Phú, Tây Sơn, Bình Hiệp, An Vinh, An Lão, An Hòa, An Toàn, Canh Liên, Vân Canh, Canh Vinh, Hội Sơn). Để phù hợp với chính quyền địa phương sau sắp xếp, dự thảo Nghị quyết đã chỉnh sửa phạm vi áp dụng là “tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. 3. Căn cứ kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 20/BC-BDT ngày 22/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa, bổ
---	--	--

b) Hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp - Trường hợp không có đất sản xuất nông nghiệp, không còn đất sản xuất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất; - Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất nông nghiệp do địa phương quản lý, đất có nguồn gốc từ lâm trường, các công ty lâm nghiệp. Việc bố trí đất sản xuất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo đất không bị tranh chấp, có khả năng canh tác và thuận lợi cho sản xuất. c) Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh Trường hợp không còn đất sản xuất nông nghiệp hoặc diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất nông nghiệp, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. 6. Nguồn đất, quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. 7. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất và kinh phí hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	được giao đất ở theo hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác (trừ đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng) đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP. b) Đất nông nghiệp - Trường hợp không có, không còn hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất; - Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán các diện tích đất nông nghiệp do địa phương quản lý, đất có nguồn gốc từ lâm trường, các công ty lâm nghiệp. c) Đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh (đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) Trường hợp không có, không còn hoặc diện tích đất nông nghiệp	sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trong đó có chỉnh sửa đổi với khoản 1 Điều 4 thành: “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí, tạo quỹ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích từ 200 m² trở lên và diện tích khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) từ 500 m² trở lên phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng khu vực; phù hợp với quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt” để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 05/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL.
--	---	---

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ SINH SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH (Kèm theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)		đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất nông nghiệp, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP. 3. Đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật số 31/2024/QH15. 4. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp ngân sách theo quy định hiện hành và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định.
TT	Tên huyện, xã, thôn, làng	
I	HUYỆN HOÀI AN	
1	Xã Đăk Mang	
2	Xã Bók Tới	
3	Xã Ân Sơn	
II	HUYỆN VĨNH THẠNH	
1	Xã Vĩnh Sơn	
2	Xã Vĩnh Kim	
3	Xã Vĩnh Hiệp	
4	Xã Vĩnh Hòa	
5	Xã Vĩnh Thuận	
6	Thôn Tà Điệt, xã Vĩnh Hảo	
7	Thôn M2, xã Vĩnh Thịnh	
8	Thôn M3, xã Vĩnh Thịnh	
9	Khu phố Kon Kring, thị trấn Vĩnh Thạnh	

	10	Khu phố Klot Pok, thị trấn Vĩnh Thạnh			
	III	HUYỆN TÂY SƠN			
	1	Xã Vĩnh An			
	2	Thôn Đồng Sim, xã Tây Xuân			
	3	Làng M6, xã Bình Tân			
	IV	HUYỆN AN LÃO			
	1	Xã An Trung			
	2	Xã An Hưng			
	3	Xã An Dũng			
	4	Xã An Vinh			
	5	Xã An Quang			
	6	Xã An Nghĩa			
	7	Xã An Toàn			
	8	Thị trấn An Lão			
	9	Thôn Gò Đồn, xã An Tân			
	V	HUYỆN VÂN CANH			
	1	Xã Canh Liên			
	2	Xã Canh Thuận			

	3	Xã Canh Hòa			
	4	Xã Canh Hiệp			
	5	Thị trấn Vân Canh			
	VI HUYỆN PHÙ CÁT				
	1	Thôn Thạch Bàn Tây, xã Cát Sơn			
	2	Thôn Đại Khoang, xã Cát Lâm			
	Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.		Chưa ban hành	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Dự thảo quy định giao trách nhiệm tổ chức triển khai, trách nhiệm giám sát Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.
	Không có		Chưa ban hành	Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp Các trường hợp đang được cơ quan, người có thẩm quyền xử lý hồ sơ chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND về chính sách	Quy định điều khoản chuyển tiếp đảm bảo không gián đoạn, không tạo khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất tại dự thảo quy định điều khoản chuyển tiếp.

			đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
	Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 19 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 11 năm 2024./.	Chưa ban hành	Điều 7. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng ... năm 2026./.</i>	Điều khoản thi hành của dự thảo Nghị quyết: - Quy định về hiệu lực thi hành của văn bản; Theo đó, dự thảo Nghị quyết quy định thời điểm có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 nhằm bảo đảm có khoảng thời gian cần thiết để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện các quy định của Nghị Quyết. - Đối với Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định không còn phù hợp với quy định của Nghị quyết này thì được bãi bỏ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nhằm bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.